

RỦI RO CỦA LẠM PHÁT TOÀN CẦU ĐẾN DÒNG VỐN FDI VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM SAU DỊCH COVID-19

Vũ Quang Vinh

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: vinhvq@hufi.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/6/2022; Ngày chấp nhận đăng: 13/7/2022

TÓM TẮT

Xu hướng kinh tế đáng chú ý nhất quý đầu của năm 2022 là lạm phát tăng rất nhanh ở nhiều quốc gia Bắc Mỹ và Châu Âu. Lạm phát cao dự kiến sẽ đem tới rủi ro cho kỳ vọng tăng trưởng sau đại dịch ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Nghiên cứu này tổng hợp số liệu kinh tế mới nhất ở Việt Nam cùng với một số nước đã phát triển trên thế giới với mục đích phân tích những rủi ro mà lạm phát có thể tác động đến hai trong số những động lực quan trọng giúp kinh tế Việt Nam phát triển sau đại dịch Covid-19. Hai động lực tăng trưởng được phân tích là dòng vốn FDI và xuất khẩu của Việt Nam. Bài phân tích dự đoán kỳ vọng tăng trưởng giá trị hàng xuất khẩu của Việt Nam đi các nước và lượng vốn FDI vào Việt Nam có thể bị ảnh hưởng tiêu cực do lạm phát cao trên toàn cầu. Nhưng bài phân tích tìm thấy những tín hiệu tích cực từ nội tại có thể trợ giúp tiến trình phục hồi của Việt Nam. Đồng thời, bài phân tích đưa ra những chiến lược có thể áp dụng tại Việt Nam để hạn chế rủi ro gây ra bởi lạm phát cao tới thu hút dòng vốn FDI và xuất khẩu.

Từ khóa: Lạm phát, FDI, xuất khẩu, hậu Covid-19, tăng trưởng GDP.

1. GIỚI THIỆU

Đại dịch COVID-19 xuất hiện từ cuối 2019 kéo dài đến nay đã tác động rất tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế và các hoạt động xã hội khác. Tác động tiêu cực của dịch bệnh và các chính sách cách ly xã hội đã đẩy thế giới rơi vào suy thoái [1]. Tại Việt Nam, mặc dù đã có những chính sách chống dịch rất quyết liệt để bảo vệ sức khỏe của cư dân và hạn chế thiệt hại đối với nền kinh tế [2]. Nhưng bất chấp những nỗ lực, dịch bệnh Covid-19 đã kéo giảm GDP của Việt Nam xuống mức thấp nhất kể từ năm 2011, cụ thể tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 2,9% năm 2020 và 2,58% năm 2021 [3]. Nghiêm trọng nhất là vào quý III năm 2021, tăng trưởng GDP của Việt so với cùng kỳ năm 2020 bị giảm 6% [4].

Nhưng sau những khó khăn của nền kinh tế, Việt Nam đã bắt đầu có những tín hiệu tích cực từ yếu tố nội tại cho thấy nền kinh tế đang phục hồi. Bài phân tích này đi sâu vào nghiên cứu xem rủi ro lạm phát trên thế giới tác động như thế nào tới hai trong số những động lực tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam là thu hút dòng vốn FDI và xuất khẩu. Đồng thời đưa ra những kiến nghị để hạn chế những tác động từ lạm phát cao trên thế giới tới thu hút dòng vốn FDI.

Bảng 1. Thống kê dữ liệu kinh tế vĩ mô từ 2017-2021

	2017	2018	2019	2020	2021
Tăng trưởng GDP (%)	6,8	7,1	7,0	2,9	2,58
GDP đầu người (USD)	2.308	2.497	2.701	2.799	2.070
CPI (%)	3,5	3,5	2,8	3,2	1,84
Xuất siêu (triệu USD)	2.674	6.828	10.874	19.954	4.076
Nợ công (% GDP)	61,4	58,3	55,0	55,3	43,7
FDI (tỷ USD)	29,6	25,9	22,5	21,1	24,3
Tăng trưởng tín dụng (%)	18,2	13,9	13,7	12,2	13,6

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu trong bài viết là thống kê mô tả. Dữ liệu được kinh tế được lấy từ công thông tin trực tuyến của Tổng cục Thống kê, trang Web cung cấp dữ liệu tradingeconomics.com, dữ liệu kinh tế của Cục Dự trữ Liên bang, trang Web chuyên cung cấp dữ liệu kinh tế của OECD, báo cáo của công ty chứng khoán ACBS, khảo sát của công ty kiểm toán PWC, khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Dữ liệu thống kê được nghiên cứu chủ yếu theo chuỗi thời gian bao gồm: Dữ liệu lạm phát, dữ liệu tăng trưởng GDP, dữ liệu về giá dầu thô, dữ liệu FDI của Việt Nam.

3. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ

3.1. Khó khăn Việt Nam đối mặt trong thời kỳ dịch bệnh

Năm 2020 theo thống kê có 101.700 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. So với năm 2019 thì con số các doanh nghiệp ngừng hoạt động đã tăng 13,9%. Tính trung bình vào năm 2020 có 8500 công ty rút lui khỏi nền kinh tế mỗi tháng. Mức tàn phá nghiêm trọng nhất của dịch bệnh có thể thấy ở một số ngành như: dịch vụ ăn uống và lưu trú có doanh số ước tính giảm 13% so với năm 2019; doanh thu ngành du lịch năm 2020 ước tính đạt 17.900 nghìn tỷ đồng, tương đương mức sụt giảm 59,5% so với năm 2019; doanh thu ngành vận tải hành khách và vận tải hàng hóa năm 2020 lần lượt giảm 29,6% và 5,2% so với năm 2019 [5].

Theo khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Australia Aid và World Bank, ước tính có tới 87,2% doanh nghiệp Việt Nam được hỏi đã phản hồi rằng họ chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực”. Số lượng doanh nghiệp phản hồi “không bị ảnh hưởng gì” chỉ chiếm 11% và chỉ có gần 2% số doanh nghiệp phản hồi là “hoàn toàn tích cực” hoặc “phần lớn tích cực”. Không chỉ các doanh nghiệp tư nhân trong nước mà cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng phản ánh rằng họ bị ảnh hưởng nặng nề trong dịch bệnh. Trong số các nhóm doanh nghiệp tham gia khảo sát, nhóm doanh nghiệp chịu thiệt hại nặng nhất là các doanh nghiệp mới hoạt động (có thời gian hoạt động dưới 3 năm) và các doanh nghiệp có quy mô vốn từ nhỏ đến siêu nhỏ [6].

3.2. Những dấu hiệu hồi phục sau khi dịch bệnh qua đi

Sau 4 lần sóng dịch bệnh, Việt Nam đã hứng chịu nhiều tổn hại về người và tài sản. Đáng kể nhất là làn sóng dịch thứ 4 xảy ra trong năm 2021 và kéo dài đến cuối quý 3/2021, kéo GDP

giảm 6,02% trong quý 3/2021. Nhưng sau những khó khăn của nền kinh tế, Việt Nam đã bắt đầu có những tín hiệu tích cực từ yếu tố nội tại cho thấy nền kinh tế đang phục hồi.

Yếu tố nội tại đầu tiên cần phải đề cập chính là những nỗ lực chống dịch và việc nhanh chóng triển khai tiêm phủ vắc xin. Việt Nam đã kiểm soát được dịch bệnh được đồng thời dần mở cửa lại nền kinh tế, thúc đẩy GDP cả năm 2021 tăng 2,58%. Nhờ vào vắc xin các ca bệnh nặng và tỷ lệ tử vong ở Việt Nam giảm đáng kể bất chấp các ca lây nhiễm tiếp tục tăng cao. Mức tăng CPI của Việt Nam năm 2021 ghi nhận là 1,84%, đây là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 và thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% của Chính Phủ đề nhờ vào giá thực phẩm giảm [7].

Một yếu tố nội tại khác đang cho thấy những tín hiệu tích cực của nền kinh tế là thị trường lao động. Theo dự đoán từ tổng cục thống kê vào năm 2022, nếu không phải đối mặt với các biến cố lớn thì thị trường lao động dự kiến sẽ phục hồi đồng thời thúc đẩy hoạt động sản xuất của các nhà máy cũng quay lại như trước dịch và thậm chí có thể với năng suất vượt trội hơn nhằm đáp ứng tồn kho thiếu hụt trong thời gian giãn cách. Hoạt động sản xuất phục hồi sẽ thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu tăng cao [7].

Yếu tố nội tại thứ ba đang cho dấu hiệu phục hồi tích cực là niềm tin tiêu dùng. Theo dự đoán, các hoạt động tiêu dùng có thể sẽ tăng trở lại sau thời gian dài giãn cách xã hội. Theo một khảo sát tại công ty kiểm toán PWC, có 61% người tham gia khảo sát có cái nhìn lạc quan về năm 2022 và số người bi quan chỉ chiếm 18%. Tốc độ và độ phủ vắc xin ngừa COVID-19 được cho là động lực chính dẫn tới tâm lý lạc quan của đối tượng khảo sát. Cụ thể, khảo sát cho thấy 66% đối tượng tham gia khảo sát đã được tiêm chủng cho thấy thái độ rất lạc quan về tương lai. Cái nhìn lạc quan được thể hiện qua kế hoạch chi tiêu. Khảo sát của PWC cho thấy người tiêu dùng có kế hoạch chi tiêu nhiều hơn trong sáu tháng tới, với 41% số người tham gia khảo sát cho biết là họ dự đoán gia tăng chi tiêu trong tương lai [8].

Yếu tố nội tại thứ tư là niềm tin của nhà kinh doanh. Các tổ chức nghiên cứu thị trường khác cũng đưa ra những số liệu rất lạc quan về niềm tin của doanh nghiệp đối với triển vọng kinh tế năm 2022 của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Theo một khảo sát được thực hiện bởi một trong 4 công ty kiểm toán hàng đầu thế giới là PricewaterhouseCoopers (PWC), có tới 76% các giám đốc điều hành (CEO) trong tổng số 4.446 CEO toàn cầu tới từ 89 Quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia khảo sát kỳ vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ hồi phục tích cực trong 2022. Số liệu này cho thấy niềm tin kinh doanh đã quay trở lại và kỳ vọng sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường chi tiêu đầu tư, thuê mướn lao động và tăng cường năng lực sản xuất. Cùng với xu hướng hồi phục chung, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự đoán Việt Nam sẽ chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022. Họ kỳ vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 sẽ ở mức 6,6% và trở thành nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất tại khu vực ASEAN. Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn. Theo Cục Đầu tư Nước ngoài (FIA), Việt Nam vẫn ghi nhận tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tính đến ngày 20/12/2021 đạt mức 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020 [9].

Ngoài các dự đoán về sự hồi phục mạnh mẽ của Việt Nam sau 2 năm dịch bệnh đầy khó khăn, chính phủ Việt Nam đã có những chính sách hỗ trợ sẽ được duy trì xuyên suốt năm 2022 nhằm đảm bảo sự hồi phục vững bền của nền kinh tế khi các công ty vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn hậu Covid như thanh khoản giảm sút và tình hình tài chính khó khăn (đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ). Do đó có thể gây ra những lo ngại về sự xuất hiện của nợ xấu và có thể gây mất ổn định cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Thông qua các Nghị định 03/2021/TT-NHNN và 14/2021-TT-NHNN, chính phủ Việt Nam đã giảm thiểu rủi ro thanh khoản của hệ thống ngân hàng [10]. Vào ngày 11/1/2022, Chính phủ đã chính thức duyệt gói kích thích tài khóa 291 nghìn tỷ đồng. Chính phủ dự chi 64.000 tỷ đồng để miễn, giảm thuế và chi 176.000 tỷ đồng cho các khoản đầu tư công. Quy mô gói kích thích này tương đương 15 tỷ USD và bằng khoảng 3,2% GDP Việt Nam năm 2021. Theo Chính phủ, gói kích thích

tài khóa và tiền tệ này dự kiến sẽ giúp GDP tăng trưởng thêm 2,3% vào năm 2022 và thêm 0,3% vào năm 2023. Điều này sẽ giúp Việt Nam giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức khoảng 2-3% vào năm 2022 [10].

Ngoài những yếu tố đến từ bên trong, có một số yếu tố đến từ bên ngoài có thể có tác động tích cực lên quá trình phục hồi và phát triển của kinh tế Việt Nam. Hai yếu tố tới từ bên ngoài đáng chú ý nhất là dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và thu nhập từ thị trường nước ngoài thông qua các hoạt động xuất khẩu.

Một đặc điểm đáng lưu ý của kinh tế Việt Nam trong thập kỷ qua sau khi gia nhập WTO vào tháng 1 năm 2007 là độ tương quan với nền kinh tế thế giới. Cụ thể mối tương quan giữa Việt Nam và các nền kinh tế khác ngày càng lớn mạnh, thông qua các hoạt động kinh doanh quốc tế và dịch chuyển dòng vốn đầu tư. Nhiều báo cáo khoa học đã chứng minh là dòng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và khả năng xuất khẩu là hai trong số những động lực quan trọng cho sự phát triển và tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Đầu tiên là mức độ đầu tư trực tiếp nước ngoài, theo những nghiên cứu của [11-13] thì FDI là một yếu tố quan trọng có tương quan dương và có ý nghĩa thống kê tới tăng trưởng GDP của một quốc gia. Tuy đã có nghiên cứu chỉ ra rằng hai biến GDP và FDI có tác động 2 chiều [11, 14] tức là bản thân việc tăng trưởng GDP và một nền kinh tế ổn định cũng thu hút thêm nhiều vốn FDI. Nhưng có nghiên cứu đã tìm thấy bằng chứng cho tác động tích cực, rõ ràng và lâu dài của FDI tới tăng trưởng kinh tế ở những nước đang phát triển như Việt Nam [15]. Có nghiên cứu còn cho thấy tăng trưởng GDP tuy có tác động tích cực tới tăng trưởng FDI, nhưng mối tương quan này không kéo dài [15]. Ngược lại, FDI có tác động tích cực và lâu dài lên tăng trưởng GDP ở các nước đang phát triển. Điều này cũng dễ giải thích khi vốn đầu tư trực tiếp sau khi thâm nhập vào một quốc gia sẽ được chuyên hóa thành nhà máy sản xuất sản phẩm hoặc công ty cung cấp dịch vụ cho nền kinh tế. Số lượng doanh nghiệp FDI mở ra nhiều hơn dẫn tới tăng trưởng kinh tế vùng [16], tăng cường chuyên giao công nghệ [17], thúc đẩy thu nhập của cư dân, giảm thất nghiệp [18] và thúc đẩy các ngành kinh doanh phụ trợ. [19]. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, trong năm 2021, mặc dù cả thế giới chịu tác động lớn từ dịch bệnh nhưng khoản đầu tư trực tiếp vào Việt Nam vẫn đạt 31 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2020. Lượng vốn FDI này tạo thêm động lực tốt cho việc tăng năng suất khu vực dịch vụ lẫn khu vực sản xuất kinh doanh cùng nhiều lĩnh vực khác của nền kinh tế.

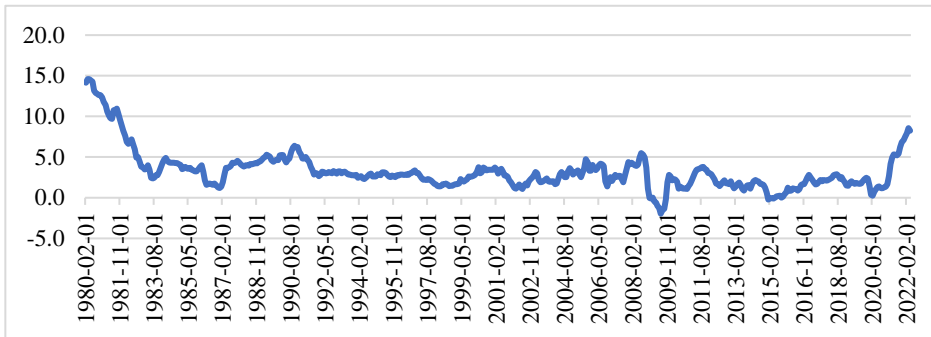
Ngoài dòng vốn đầu tư FDI ra, khả năng xuất khẩu cũng là một yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy nền kinh tế của một quốc gia [20]. Đã có những nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy mối tương quan dương và có ý nghĩa thống kê giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế [21, 22]. Trong năm 2020, một lượng lớn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được rót vào các lĩnh vực chủ yếu phục vụ xuất khẩu, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất. FDI chủ yếu nhằm vào xuất khẩu, chiếm tới 57% tổng số vốn FDI đăng ký năm 2019. Hơn 50% giá trị hàng xuất khẩu của Việt Nam xuất vào thị trường: Mỹ (23%), Trung Quốc (16%) và châu Âu (14%). Hơn nữa, thặng dư thương mại năm 2019 vào Châu Âu và Hoa Kỳ đóng góp hơn 75 tỷ USD. Mức thặng dư lớn này cho thấy thương mại với cả châu Âu và Mỹ là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình phục hồi kinh tế sau dịch của Việt Nam vào năm 2022 [23]. Theo số liệu được cung cấp bởi trang web chuyên cung cấp số liệu kinh tế Tradingeconomics.com thì vào năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu vào Mỹ hơn 108 tỷ USD, đứng thứ sáu trong số các quốc gia xuất khẩu vào Mỹ nhiều nhất tính theo giá trị hàng hóa. Nhìn chung, xuất khẩu được kỳ vọng sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam.

3.3. Rủi ro lạm phát cao trên thế giới tác động xấu tới dòng vốn FDI và xuất khẩu của Việt Nam

Tuy có những tín hiệu tích cực về sự phục hồi, nhưng hiện tại, tình hình vĩ mô của thế giới đã có những biến chuyển theo hướng tiêu cực cho hoạt động xuất khẩu và thu hút dòng vốn FDI. Do việc toàn cầu hóa, nên nền kinh tế của Việt Nam đang có những phụ thuộc lớn

vào nền kinh tế toàn cầu đặc biệt là các nước lớn như Mỹ và các nước thuộc Châu Âu. Vậy nên vốn FDI vào Việt Nam và giá trị hàng xuất khẩu năm 2022 có thể chịu tác động tiêu cực từ những rủi ro xuất phát từ thị trường Mỹ nói riêng và thế giới nói chung. Hiện tại thế giới đang có 4 rủi ro đáng chú ý nhất đó là lạm phát tăng cao ở rất nhiều nước [24], chiến tranh ở Ukraine đẩy giá dầu lên cao [25], sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu sau dịch [26] và chính sách chống dịch “Zero Covid” ở Trung Quốc làm gián đoạn nền kinh tế [27]. Tuy nhiên bài phân tích này chỉ đi sâu vào phân tích rủi ro tới từ lạm phát.

Rủi ro bên ngoài cần phân tích đầu tiên là lạm phát. Theo số liệu kinh tế được báo cáo gần đây, hiện nay lạm phát của nước Mỹ và nhiều nước khác trên toàn cầu đang tăng lên rất nhanh, riêng nước Mỹ lạm phát đạt 8,5% vào tháng 3 năm 2022 [28]. Lạm phát tháng 3 của Hoa Kỳ đã đạt mức kỷ lục trong vòng 40 năm.



Hình 1. Thống kê lạm phát của Hoa Kỳ từ 1980 - tháng 5 năm 2022.

Nguồn: *Tradingeconomics.com*

Với mức lạm phát cao kỷ lục này, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng cục dự trữ trung ương Mỹ (FED) đã phạm nhiều sai lầm trong công tác quản lý thị trường dẫn tới thất bại trong việc kiểm soát lạm phát. Lạm phát quá cao hiện nay buộc FED phải có các chính sách mạnh tay để kìm hãm đà tăng giá hàng hóa, nhưng việc sử dụng các công cụ chống lạm phát trong thời điểm hiện nay có thể đẩy nền kinh tế Mỹ vào tình trạng suy thoái hoặc tệ hơn là tình trạng suy thoái kèm lạm phát (stagflation)] [29]. Theo số liệu gần nhất, GDP của Hoa Kỳ đã giảm với tốc độ 1,4% trong quý đầu tiên của năm 2022. Việc GDP của Hoa Kỳ giảm có thể là một tín hiệu cảnh báo rủi ro suy thoái đang lớn dần. Không chỉ Mỹ, ở khu vực Châu Âu, lạm phát cũng đã có những bước tăng rất nhanh. Theo số liệu từ trang Web chuyên cung cấp dữ liệu kinh tế của OECD, lạm phát tháng 3 và 4 năm 2022 ở các nước Châu Âu lẫn Hoa Kỳ và nhiều quốc gia phát triển khác hiện nay đang ở mức cao kỷ lục.

Bảng 2. Thống kê lạm phát của các nước phát triển từ tháng 4/2021 - tháng 4/2022 (Đvt: %)

	04-2021	05-2021	06-2021	07-2021	08-2021	09-2021	10-2021	11-2021	12-2021	01-2022	02-2022	03-2022	04-2022
Canada	3,4	3,6	3,1	3,7	4,1	4,4	4,7	4,7	4,8	5,1	5,7	6,7	
Đức	2,0	2,5	2,3	3,8	3,9	4,1	4,5	5,2	5,3	4,9	5,1	7,3	7,4
Pháp	1,2	1,4	1,5	1,2	1,9	2,2	2,6	2,8	2,8	2,9	3,6	4,5	4,8
Anh	1,6	2,1	2,4	2,1	3,0	2,9	3,8	4,6	4,8	4,9	5,5	6,2	
Nhật	-1,1	-0,8	-0,5	-0,3	-0,4	0,2	0,1	0,6	0,8	0,5	0,9	1,2	
Hàn	2,5	2,6	2,3	2,6	2,6	2,4	4,3	3,8	3,7	3,6	3,7	4,1	4,8
Mỹ	4,2	5,0	5,4	5,4	5,3	5,4	6,2	6,8	7,0	7,5	7,9	8,5	8,3
OECD	3,3	3,9	4,0	4,2	4,3	4,6	5,2	5,9	6,6	7,2	7,8	8,8	

Nguồn: *data.OECD.org*

3.3.1. Rủi ro lạm phát cao trên thế giới tác động xấu tới xuất khẩu của Việt Nam.

Lạm phát tại các nước như Mỹ, Anh, Pháp, Đức đã đạt mức cao nhất kể từ năm 1980. Các nước thuộc OECD và G7 chứng kiến mức lạm phát trung bình rất cao vào tháng 3 lần lượt là 8,8% và 7,9%. Đà tăng liên tục của lạm phát bắt đầu từ quý III năm 2020 kéo dài cho tới hiện tại đã buộc các ngân hàng trung ương đặc biệt là Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) phải áp dụng các chính sách mạnh hơn để kiểm soát lạm phát [30]. Các chính sách đáng chú ý được đưa ra vào cuộc họp ngày 4 tháng 5 bao gồm tăng lãi suất 50 điểm phần trăm (tức 0,5%) và bắt đầu chương trình giảm bảng cân đối hay còn gọi là Quantitative Tightening [10]. Quyết định tăng lãi thêm 0,50% đánh dấu mức tăng mạnh nhất được thực hiện trong một cuộc họp duy nhất kể từ tháng 5/2000. Đồng thời, FED dự định giảm quy mô bảng cân đối kế toán kể từ tháng 6/2022, bắt đầu với 47,5 tỷ USD mỗi tháng (30 tỷ USD trái phiếu Kho bạc Mỹ và 17,5 tỷ USD chứng khoán bảo đảm bằng thế chấp), sau ba tháng sẽ là 95 tỷ USD mỗi tháng (60 tỷ USD trái phiếu Kho bạc Mỹ và 35 tỷ USD chứng khoán bảo đảm bằng thế chấp) [10]. Điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn làm giảm triển vọng tăng trưởng toàn cầu, dẫn đến nhu cầu đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn. Lãi suất USD tăng gây áp lực lên lãi suất trong nước. Đồng USD mạnh lên ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất hàng qua thị trường thế giới. Tuy nhiên, tác động của việc tăng giá USD không lớn vì các yếu tố hỗ trợ cho sự ổn định của tiền đồng vẫn duy trì như thặng dư thương mại và dự trữ ngoại hối cao [10].

Động thái rút thanh khoản và tăng lãi suất trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn yếu sau đại dịch gây ra những lo ngại về rủi ro suy thoái kinh tế và tệ hơn là rủi ro suy thoái kèm lạm phát (stagflation). Lạm phát cao là một biến kinh tế cần đặc biệt lưu ý trong năm 2022 và có thể là năm 2023. Bởi vì mục tiêu chính của các ngân hàng trung ương là chống lạm phát [31] nên việc các ngân hàng trung ương đồng loạt áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ và nâng lãi suất để kìm hãm lạm phát có thể đẩy nền kinh tế khu vực và toàn cầu vào một đợt suy thoái nghiêm trọng là việc đã từng xảy ra trong quá khứ [32].

Số liệu tăng trưởng GDP của các nước đã phát triển cũng cho thấy việc phục hồi sau dịch thực tế là một công việc đầy thách thức chứ không lạc quan như dự đoán.

Bảng 3. Thống tăng trưởng GDP của các nước phát triển từ quý II, 2020 - quý I, 2022 (ĐVT: %)

	Q2-2020	Q3-2020	Q4-2020	Q1-2021	Q2-2021	Q3-2021	Q4-2021	Q1-2022
Canada	-11	8,9	2,1	1,1	-0,9	1,3	1,6	1,4
Đức	-10	9,0	0,7	-1,6	2,1	1,6	-0,3	0,2
Pháp	-13,4	18,5	-1,1	0,1	1,4	3,0	0,7	0,0
Anh	-19,4	17,6	1,4	-1,1	5,5	0,9	1,2	0,7
Nhật	-7,9	5,3	1,8	-0,5	0,5	-0,7	1,1	
Hàn	-3,1	2,2	1,1	1,7	0,7	0,3	1,2	0,7
Mỹ	-8,9	7,5	1,1	1,5	1,6	0,5	1,6	-0,3
OECD	-10,4	9,4	1,0	0,7	1,7	1,1	1,2	

Nguồn: data.OECD.org

Số liệu gần nhất từ kho dữ liệu của OECD cho thấy, tăng trưởng GDP ở nhiều quốc gia đã phát triển khá chậm chứ không hề có sự bùng nổ sau đại dịch. Riêng nền kinh tế dẫn đầu thế giới hiện nay là Mỹ lại chứng kiến mức tăng trưởng GDP âm 0,36%. Số liệu tăng trưởng GDP gây thất vọng của Mỹ và một số nước Châu Âu có thể là một dấu hiệu cảnh báo rủi ro tới giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam năm 2022. Tới thời điểm tháng 5 năm

2022, rất khó có thể đoán được là kinh tế Mỹ và các nước Châu Âu sẽ hồi phục lại trong 3 quý còn lại hay không, bởi vì mấu chốt của vấn đề là lạm phát. Như đã đề cập, lạm phát cao sẽ dẫn tới nhiều hậu quả khó lường đối với nền kinh tế. Rủi ro đầu tiên cần quan tâm là lạm phát cao làm giảm tiêu dùng và tăng tiết kiệm [33]. Điều này dẫn tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam có thể sẽ chậm lại trong những quý tới do người tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chủ chốt như Mỹ và châu Âu thắt chặt chi tiêu.

3.3.2. Rủi ro lạm phát cao trên thế giới tác động xấu tới dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Việc tăng lãi suất toàn cầu để chống lạm phát không chỉ có thể tác động tới dòng giá trị xuất khẩu của Việt Nam và còn có ảnh hưởng xấu tới dòng vốn FDI vào Việt Nam. Đã có nghiên cứu kinh tế ở thị trường ASEAN đã chỉ ra rằng, lãi suất có tương quan âm với dòng vốn FDI. Lý do bởi vì mặt bằng lãi suất tăng sẽ làm chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp tăng cao và sẽ có tác động không tốt tới dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) [34].

Một nghiên cứu khác cũng cho thấy tương quan ngược giữa lạm phát và dòng vốn FDI [35]. Vậy nếu kiểm soát lạm phát không tốt, Việt Nam sẽ giảm lợi thế thu hút vốn FDI. Nhưng vì các doanh nghiệp sẽ có xu hướng chuyển vốn từ nơi lạm phát cao tới nơi có lạm phát thấp [36]. Nên nếu kiểm soát được lạm phát ở Việt Nam thấp hơn trung bình các nước trên thế giới, thì Việt Nam sẽ được hưởng lợi.

Ngoài ra có nghiên cứu còn cho thấy lạm phát làm tăng chi phí vay mượn và dẫn tới rủi ro tín dụng tăng [37], mà nếu những rủi ro tài chính của hệ thống ngân hàng ở các nước đầu tư FDI tăng thì quyết định đầu tư FDI sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực [38]. Vậy có thể dự đoán lạm phát sẽ làm rủi ro tài chính tăng lên, dẫn tới tác động tiêu cực tới dòng vốn FDI vào Việt Nam. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng những quyết định quản lý tài chính không tốt của quốc gia bản địa cũng làm giảm lượng vốn đầu tư trực tiếp.

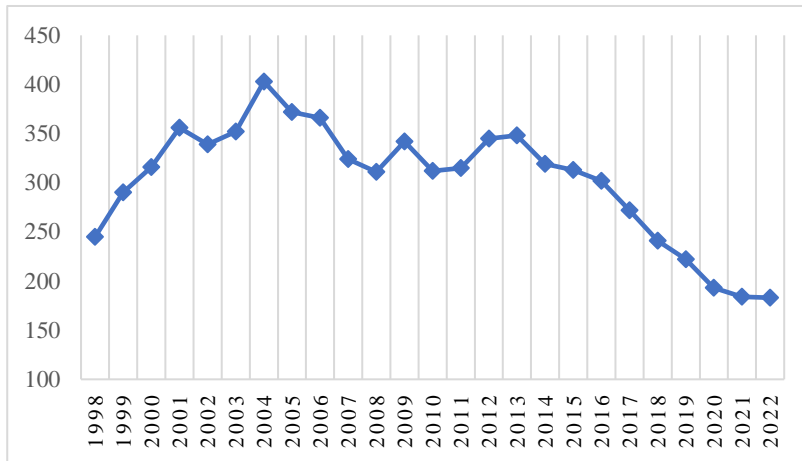
3.3.3. Các yếu tố bên ngoài gây rủi ro lạm phát trong nước.

Như đã đề cập ở phần trước, lạm phát cao sẽ dẫn tới rất nhiều bất lợi và gây khó khăn cho phát triển kinh tế. Mặc dù số liệu lạm phát của Việt Nam được dự đoán sẽ ở mức thấp vào năm 2022 là khoảng 3% [7], nhưng việc lạm phát toàn cầu tăng nhanh cũng có thể làm cho lạm phát ở Việt Nam bị cuốn theo dòng chảy đẩy. Tuy những rủi ro vẫn chưa rõ ràng nhưng giá dầu thế giới tăng cao và khó khăn trong chuỗi cung ứng có thể sẽ là hai biến số vĩ mô làm tăng lạm phát ở Việt Nam.

Đầu tiên là tác động của giá dầu tới lạm phát. Giá trị bình quân CPI năm 2022 có thể sẽ không ở mức thấp như năm 2021 và sẽ chịu áp lực tăng do giá dầu leo thang gần đây được thúc đẩy bởi hoạt động sản xuất trở lại và chiến tranh Nga-Ukraine. Theo một báo cáo của công ty chứng khoán ACBS thì chỉ số CPI bình quân của Việt Nam trong năm 2022 dự báo sẽ hơi cao trong 6 tháng đầu năm 2022 và ổn định trong nửa cuối năm 2022. CPI cả năm nằm trong mục tiêu của Chính phủ đề ra là 4%. Báo cáo cũng cung cấp số liệu về sản lượng sản xuất và lượng xuất nhập khẩu dầu thô Việt Nam. Dự trữ dầu thô của Việt Nam ở mức 4,4 tỷ thùng (chủ yếu nằm ở miền Nam) và đứng thứ 3 trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương, sau Trung Quốc (25,7 tỷ thùng) và Ấn Độ (4,4 tỷ thùng) nhưng thấp hơn nhiều so với Venezuela (300,9 tỷ thùng) và Saudi Arabia (266,5 tỷ thùng) [10].

Trước 2018, Việt Nam là nước xuất khẩu dầu thô ròng (cung cấp khoảng 0,6% nhu cầu toàn cầu), nhưng lại là nước nhập khẩu ròng các sản phẩm xăng dầu do công suất lọc dầu còn thấp (6,5 triệu tấn/ năm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất). Từ năm 2018, khi nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (công suất 10 triệu tấn/ năm) đi vào hoạt động và sử dụng dầu thô từ Kuwait làm nguyên liệu đầu vào, Việt Nam đã trở thành nước nhập khẩu ròng dầu thô [10]. Tuy nhiên, trữ lượng dầu khai thác đang trong quá trình suy giảm. Hầu hết các mỏ dầu lớn đều đã được khai

thác trong một thời gian dài và hiện đang trong giai đoạn cuối trong khi các vị trí dự kiến phát triển mở mới đa số là mở nhỏ. Trong đó, mỏ Bạch Hổ, cung cấp khoảng 60% sản lượng của PVN, nay chỉ có thể khai thác được 4-5 năm nữa. Ngoài ra, việc thiếu các hoạt động thăm dò do giá dầu thấp cũng dẫn đến sự sụt giảm cực lớn trong việc gia tăng trữ lượng dầu khí của Việt Nam trong 5 năm trở lại đây [10].



*Hình 2. Thống kê năng lực sản xuất dầu thô ở Việt Nam từ 1998- 2022.
(Đơn vị tính: Ngàn thùng một ngày)*

Nhu cầu xăng dầu phục hồi, xuất phát từ sự gia tăng trong các hoạt động kinh tế, nói lỏng các biện pháp giãn cách xã hội và đẩy nhanh tiến trình tiêm chủng, là động lực chính thúc đẩy xu hướng tăng của giá dầu trong năm 2022. Trong 2 tháng đầu 2022, bất chấp các tác động của biến thể Omicron, giá dầu Brent đã tăng mạnh lên 101 USD/ thùng do cuộc chiến tranh Nga-Ukraine làm tăng thêm những lo ngại về nguồn cung trong bối cảnh nhu cầu dầu ngày càng tăng [10]. Theo một nghiên cứu thì những đợt tăng mạnh và ngoài dự đoán của giá dầu do căng thẳng chính trị có thể dẫn tới tác động tiêu cực cho sản xuất của quốc gia trong ngắn hạn [39]. Hơn thế, những sự kiện chính trị tiêu cực làm thiếu hụt nguồn cung dầu còn dẫn tới gia tăng lạm phát. Ngoài những biến động khó lường từ nguồn cung dầu ra thì vẫn cần quan tâm tới những rủi ro từ nhu cầu dầu. Nếu nhu cầu dầu của Việt Nam và nhiều nước tăng quá nhanh do nhu cầu tiêu dùng lẫn sản xuất tăng nhanh thì sẽ dẫn tới những rủi ro dài hạn tác động tiêu cực tới sản xuất và lạm phát [39]. Hơn nữa giá dầu tăng sẽ làm tăng lạm phát lên và làm nền kinh tế bị lún sâu vào suy thoái [40]. Vậy nên Việt Nam cần quan sát và nghiên cứu các kế hoạch phòng chống rủi ro do nguồn cung dầu và nhu cầu dầu mang tới.

Ngoài giá dầu, chiến dịch chống dịch Zero Covid ở Trung Quốc cũng là một rủi ro có thể ảnh hưởng tới sản xuất mà Việt Nam cần quan tâm. Có 2 lý do cho thấy tầm quan trọng của Trung Quốc đối với kinh tế Việt Nam. Đầu tiên, nước cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc. Theo số liệu từ tổng cục thống kê, hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm khoảng 33% giá trị tổng nhập khẩu vào năm 2021. Vậy nên việc gián đoạn chuỗi cung ứng do chính sách phong tỏa của chính quyền Trung Quốc nhiều khả năng sẽ ảnh hưởng đến quá trình nhập nguyên liệu, dẫn tới thời gian giao hàng chậm trễ từ đó tiến độ sản xuất bị ảnh hưởng. Thị trường tiêu dùng của Trung Quốc là yếu tố quan trọng thứ hai. Năm 2021, có khoảng 17% lượng hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, việc chống dịch mạnh tay có thể giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc và giảm nhu cầu tiêu dùng của thị trường lớn này. Theo đó, tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc có thể sẽ gặp khó khăn.

Trong khi phần lớn các quốc gia khác đã nói lỏng chính sách kiểm soát Covid 19 và bình thường hóa thì Trung Quốc tiếp tục theo đuổi chính sách Zero-Covid với các đợt phong tỏa rất khắc nghiệt và kéo dài tại nhiều khu vực đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng hàng hóa như Giang Tô, Cát Lâm, Quảng Đông, Thiểm Tây và Thượng Hải. Tác động từ các chính sách phong tỏa mạnh tay làm hoạt động vận tải hàng hóa và hàng hóa ứ đọng tại các cảng biển ở các vùng phong tỏa dẫn đến chi phí vận chuyển lên cao. Hậu quả của tăng chi phí logistic dẫn tới giá hàng nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc tăng mạnh [41] dẫn tới tăng chi số giá sản xuất PPI của các doanh nghiệp Việt Nam và làm tăng lạm phát thực tế lẫn lạm phát kỳ vọng [42]. Vì vậy Việt Nam cần nghiên cứu các kế hoạch phòng chống rủi ro do ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc mang lại.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Trước mối đe dọa lớn từ rủi ro lạm phát toàn cầu đang tăng cao có thể ảnh hưởng tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế, sản xuất, xuất khẩu và thu hút dòng vốn đầu tư FDI. Chính phủ cần áp dụng nhiều phương án phòng chống rủi ro để hạn chế những thiệt hại mà lạm phát đem lại.

Đầu tiên, Việt Nam cần dự đoán thành công những biến cố lớn từ bên ngoài để có thể có những chiến lược quản trị rủi ro và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế trong nước [43]. Ngoài ra chính phủ cần trợ giúp các tổ chức kinh tế đang gặp khó về thanh khoản đặc biệt là những tổ chức kinh tế có quy mô nhỏ nhằm tránh sụp đổ của các công ty này dẫn tới việc sa thải nhân công trên diện rộng. Việc tạo công ăn việc làm cải thiện môi trường kinh doanh là rất quan trọng nhằm nâng cao mức sống của người dân, đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy niềm tin tiêu dùng và thu hút vốn đầu tư nước ngoài [44].

Hơn nữa chính phủ nên tăng cường đầu tư công để xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thu hút vốn FDI vì có bằng chứng khoa học cho thấy vốn đầu tư công có tương quan cùng chiều với lượng FDI chảy vào một quốc gia [45]. Ngoài những nhân tố kinh tế như tăng trưởng GDP, giá thuê tài nguyên ưu đãi ra thì yếu tố xã hội như gia tăng dân số cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và thu hút FDI. Vì vậy, để tăng cường nội lực của nền kinh tế Việt Nam và thu hút dòng vốn đầu tư, chính sách của chính phủ cũng cần hướng tới phát triển xã hội và gia tăng dân số [46]. Để giúp nền kinh tế hồi phục sau Covid 19, chính phủ cần có các chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ. Sau khi ban hành các gói kích thích tài khóa, dòng tiền của gói kích thích cần tập trung vào các lĩnh vực sau. Đầu tiên là mở cửa nền kinh tế và chi cho công tác đảm bảo an sinh xã hội và tạo việc làm. Tiếp theo cần chi cho công tác hỗ trợ khôi phục doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Cuối cùng chính phủ cần chi phát triển kết cấu hạ tầng và chi cho đầu tư phát triển. Gói kích cầu tiền tệ nhằm đạt được những mục tiêu sau. Đầu tiên là khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm chi phí quản lý và lãi suất cho vay. Thứ 2 là tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, duy trì phân loại nợ để hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Cuối cùng là tái cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội cho người sử dụng lao động vay để trả lương cho người phải nghỉ việc do COVID-19 [10].

Cuối cùng và quan trọng nhất là Việt Nam cần kiểm soát lạm phát trong nước để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực mà lạm phát đem lại. Theo dự báo của Tổng cục thống kê, thì lạm phát ở Việt Nam sẽ duy trì tại mức dưới 4% trong 5 năm tới. Số liệu cho thấy kỳ vọng lạm phát vẫn sẽ duy trì dưới mức 4% do Chính phủ đề ra trong năm 2022 [7].

Bảng 4. Dự đoán lạm phát ở Việt Nam tới năm 2026 của tổng cục thống kê

Năm	2021	2022	2023	2024	2025	2026
Lạm phát (%)	2,15	3,09	3,73	3,09	3,98	3,83

Nguồn: Tổng cục thống kê

Ngoài ra, theo một nghiên cứu dự đoán lạm phát tại Việt Nam đã đưa ra bằng chứng thống kê cho thấy giá dầu tác động cùng chiều với lạm phát [47]. Nghiên cứu này cho thấy hệ số tác động của biến dầu thô tới lạm phát cơ bản là 0,0276 nếu các yếu tố khác giữ nguyên [47]. Để ước tính lạm phát của Việt Nam trong năm 2022 tác giả cần so sánh các giá định giá dầu thô sẽ đạt được tại cuối năm 2022. Lấy mốc giá dầu thô tại đầu năm 2022 là \$75 và mức giá cao nhất được ngân hàng JPMorgan ước tính trong trường hợp xấu nhất là \$380/thùng [48]. Dự đoán lạm phát ở Việt Nam tăng thêm như sau:

Bảng 5. Dự đoán mức lạm phát tăng lên do giá dầu tăng ở Việt Nam năm 2022

Giá dầu thô	\$100	\$150	\$200	\$250	\$300	\$380
Lạm phát tăng thêm	0,9%	2,8%	4,6%	6,4%	8,3%	11,2%

Nguồn: Tác giả tính toán

Lạm phát thấp và giữ ổn định sẽ đem lại nhiều lợi thế cho quốc gia. Một nghiên cứu ở những đang phát triển tại châu Á đã cho thấy những quốc gia có lạm phát thấp và thị trường chứng khoán được giữ ổn định sẽ thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài hơn so với các nước khác [49]. Hơn nữa những nước có mức phát thấp hơn thế giới sẽ có lợi thế so sánh hơn trong việc thu hút FDI bởi vì các doanh nghiệp đã quốc gia sẽ có xu hướng chuyển vốn từ nơi lạm phát cao tới nơi có lạm phát thấp hơn để đầu tư kinh doanh [36].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. International Monetary Fund - World economic outlook: A long and difficult ascent (2020).
2. Phan Hai Ho - Improving legal documents on epidemic prevention and control in vietnam, VNU Journal of Science: Legal Studies 37 (4) (2021).
3. Hanh Ha Thi Hong - Ảnh hưởng của chỉ thị 16 đến nền kinh tế Việt Nam, No. 5726x. Center for Open Science (2022).
4. Trang, Phạm Hà - Hiệu quả của chính sách bình thường mới trong việc hồi sinh các doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội (2022).
5. Vietnam, G. S. General Statistics Office of Vietnam - General Statistics Office of Vietnam (2020).
6. COVID-19 Impact Assessment - Analysis of the Potential Impacts of COVID-19 on Vietnamese Economy – PWC (2021). Available from: <https://www.pwc.com/vn/en/publications/vietnam-publications/economy-covid19.html>.
7. Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2021 – Tổng cục Thống kê (2022). Available from: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/05/bao-cao-cac-phan-tich-du-bao-thong-ke-nam-2021>.
8. Khảo sát Thói quen Tiêu dùng - Tháng 12/2021 – PWC (2021). Available from: <https://www.pwc.com/vn/vn/publications/vietnam-publications/consumer-insights-survey.html>.

9. 25th Annual Global CEO Survey - Vietnam Report – PWC (2021). Available from: <https://www.pwc.com/vn/en/publications/vietnam-publications/25th-ceo-survey.html>.
10. Vietnam Strategy 2022 – ACBS (2022). Available from: <https://content.acbs.com.vn/Files/Domains/ACBS/WFL-1585/220324044306-1015-1015000002.pdf>
11. Kosztowniak, Aneta - Verification of the Relationship between FDI and GDP in Poland. *Acta Oeconomica* **66** (2) (2016) 307-332.
12. Sengupta, Pooja, and Roma Puri - Exploration of relationship between FDI and GDP: A comparison between India and its neighbouring countries. *Global Business Review* **21** (2) (2020) 473-489.
13. Agrawal, Gaurav, and Mohd Aamir Khan - Impact of FDI on GDP: A comparative study of China and India. *International Journal of Business and Management* **6** (10) (2011) 71.
14. Cicak, Kresimir, and Petar Soric - The interrelationship of FDI and GDP in European transition countries. *International journal of management science and business administration* **1** (4) (2015) 41-58.
15. Hansen, Henrik, and John Rand - On the causal links between FDI and growth in developing countries. *World Economy* **29** (1) (2006) 21-41.
16. Chen, Ching-Mu, Konstantinos A. Melachroinos, and Kang-Tsung Chang - FDI and local economic development: the case of Taiwanese Investment in Kunshan. *European Planning Studies* **18** (2) (2010) 213-238.
17. Goldberg, Linda S – Financial sector FDI and host countries: New and old lessons. (2004).
18. Rong, S., Liu, K., Huang, S., & Zhang, Q. - FDI, labor market flexibility and employment in China. *China Economic Review* **61** (2020): 101449.
19. Negara, Siwage Dharma, and Latif Adam - Foreign direct investment and firms' productivity level: lesson learned from Indonesia. *ASEAN Economic Bulletin* (2012) 116-127.
20. Jenkins, Rhys - Globalization, FDI and employment in Viet Nam. *Transnational corporations* **15** (1) (2006): 115.
21. Bui, Thi Hong Hanh and Qiting Chen - An analysis of factors influencing rice export in Vietnam based on gravity model. *Journal of the Knowledge Economy* **8** (3) (2017): 830-844.
22. NGUYEN, Hieu Huu- Impact of foreign direct investment and international trade on economic growth: Empirical study in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business* **7** (3) (2020): 323-331
23. Vietnam, G. S - General Statistics Office of Vietnam. General Statistics Office of Vietnam (2020).
24. Loria, Francesca, and David Lopez Salido - Inflation at Risk. Available at SSRN (2022).
25. SIDDIQUI, KALIM - Problems of Inflation, War in Ukraine, and the Risk of Stagflation (2022).
26. Remko, Van Hoek - Research opportunities for a more resilient post-COVID-19 supply chain—closing the gap between research findings and industry practice.

- International Journal of Operations & Production Management **40** (4) (2020): 341-355.
27. Yuan, Shawn - Zero COVID in China: what next?. *The Lancet* **399** (10338) (2022): 1856-1857.
 28. FCanuto, Otaviano - Emerging economies, global inflation, and growth deceleration. *Policy Center for the New South* **1977** (2022).
 29. Hilscher, Jens, Alon Raviv, and Ricardo Reis - How likely is an inflation disaster?. Available at SSRN 4083404 (2022).
 30. Loria, Francesca, and David Lopez-Salido - Inflation at Risk. Available at SSRN (2022).
 31. Mankiw, N. Gregory, and Ricardo Reis - What measure of inflation should a central bank target?. *Journal of the European Economic Association* **1** (5) (2003): 1058-1086.
 32. Sablik, Tim - Recession of 1981–82. *Federal Reserve History* **22** (2013).
 33. Ryngaert, Jane M - Inflation disasters and consumption. *Journal of Monetary Economics* (2022).
 34. Siddiqui, Hira Aijaz Ahmed, and Visarach Aumeboonsuke - Role of interest rate in attracting the FDI: Study on ASEAN 5 economy. *International Journal of Technical Research and Applications* **2** (3) (2014) 59-70.
 35. Valli, Mohammed, and Mansur Masih - Is there any causality between inflation and FDI in an ‘inflation targeting’ regime? Evidence from South Africa (2014).
 36. Sayek, Selin - Foreign direct investment and inflation. *Southern Economic Journal* **76** (2) (2009): 419-443.
 37. Ryngaert, Jane M - Inflation disasters and consumption. *Journal of Monetary Economics* **129** (2022) S68-S81.
 38. Kellard, N. M., Kontonikas, A., Lamla, M. J., Maiani, S., & Wood, G - Risk, financial stability and FDI. *Journal of International Money and Finance* **120** (2022): 102232.
 39. Zhao, L., Zhang, X., Wang, S., & Xu, S - The effects of oil price shocks on output and inflation in China. *Energy Economics* **53** (2016): 101-110.
 40. Mork, Knut Anton, and Robert E. Hall - Energy prices, inflation, and recession, 1974-1975. *The Energy Journal* **1** (3) (1980).
 41. LaBelle, Jesse, and Ana Maria Santacreu - Global Supply Chain Disruptions and Inflation During the COVID-19 Pandemic. *Federal Reserve Bank of St. Louis Review* (2022).
 42. Carriere-Swallow, M. Y., Deb, M. P., Furceri, D., Jimenez, D., & Ostry, M. J. D - Shipping Costs and Inflation (2022).
 43. Abbott, Philip, and Finn Tarp - Globalization crises, trade and development in Vietnam. *Journal of International Commerce, Economics and Policy* **3** (01) (2012) 1240006.
 44. Krifa-Schneider, Hadjila, and Iuliana Matei - Business climate, political risk and FDI in developing countries: Evidence from panel data. *International Journal of Economics and Finance* **2** (5) (2010): 54-65.
 45. Tan, Bee Wah, and Chor Foon Tang - Examining the causal linkages among domestic investment, FDI, trade, interest rate and economic growth in ASEAN-5 countries. *International Journal of Economics and Financial Issues* **6** (1) (2016): 214-220.

46. Sookram, S., Hosein, R., Boodram, L., & Saridakis, G - Determining Factors of FDI Flows to Selected Caribbean Countries. *Journal of Risk and Financial Management* **15** (2) (2022): 48.
47. Nguyễn Ngọc Quỳnh - Phân tích và dự báo lạm phát cơ bản của Việt Nam bằng các mô hình kinh tế lượng (2018).
48. JPMorgan Sees 'Stratospheric' \$380 Oil on Worst-Case Russian Cut (2022). Available from: <https://www.bloomberg.com/news/articles/2022-07-01/jpmorgan-sees-stratospheric-380-oil-on-worst-case-russian-cut>
49. Zada, Lal, Fazli Wadood, and Muhammad Tahir Khan - The Significance of Macroeconomic and Financial Market for FDI Inflow in Asian Developing Countries *7* (1) (2021) 57-76.

ABSTRACT

GLOBAL INFLATION RISK ON FDI INFLOW AND EXPORT VALUE OF VIETNAM AFTER COVID-19

Vu Quang Vinh

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: vinhvq@hufi.edu.vn

The noticeable economic trend in the first quarter of 2022 is the significant increase in inflation in North American and European countries. Significant inflation level in the world is expected to threaten growth expectations in Vietnam after controlling Covid-19. The aim of this study is that synthesizes the latest economic data from Vietnam and some developed countries to analyzing how global inflation risks can influence Vietnam's FDI inflows and exports. This paper predicts that the growth of Vietnam's exports and the FDI inflows into Vietnam may be negatively affected by high global inflation. However, this paper finds positive internal signals supporting recovery process in Vietnam after Covid-19. Moreover, the analysis provides some strategies applied in Vietnam to limit the negative impact of high inflation attract FDI and export.

Keywords: Inflation, FDI, Export, After Covid, GDP growth.